

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CÁI NƯỚC  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2020/DS-ST  
Ngày 09-6-2020  
“*V/v tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản và nợ hụi*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nhủ Khuyên

C Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Hữu Khánh

Ông Nguyễn Văn Mầm

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện  
Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Ngày 09 tháng 6 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ  
thẩm công khai vụ án thụ lý số: 401/2019/TLST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2019 về  
việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và nợ hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét  
xử số: 30/2020/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2020 giữa C đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hồ Minh Th - Sinh năm 1986 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm X, thị trấn C N, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh Trần Thanh N - Sinh năm 1976 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp Đ T, thị trấn C N, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/. Chị Lê Phụng C – sinh năm 1982 (có mặt).

Ủy quyền cho bà Trần Mỹ H theo Văn bản ủy quyền ngày 17/01/2020.

2/. Bà Trần Mỹ H – sinh năm 1956 (có mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: ấp Đ T, thị trấn C N, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 04/12/2019, chị Hồ Minh Th trình bày:*

Vào ngày 06/9/2018 âm lịch, anh Trần Thanh N có vay của chị Th số tiền 70.000.000 đồng, lãi suất hai bên tự thỏa thuận. Khi vay, hên biên có làm biên nhận nợ.

Đến ngày 19/9/2018 âm lịch, anh N tiếp tục vay của chị Th số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất hai bên tự thỏa thuận. Khi vay, anh N cũng có viết biên nhận nợ.

Đến ngày 28/10/2018 âm lịch, anh N tiếp tục vay của chị Th số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất do hai bên tự thỏa thuận. Khi vay, hai bên có làm hợp đồng vay tiền. Tuy nhiên người đứng tên cho vay là anh Hồ Quốc Thắng, là anh ruột của chị Th.

Tiếp đến ngày 19/11/2018 âm lịch, anh N có vay thêm của chị Th số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất do hai bên tự thỏa thuận. Khi vay, hai bên có làm hợp đồng vay và có anh N và bà Trần Mỹ H (mẹ anh N) cùng ký tên vào hợp đồng vay.

Từ khi vay tiền đến nay, anh N chỉ đóng lãi được 02 tháng nhưng chị Th không nhớ số tiền là bao nhiêu, rồi sau đó không trả vốn và lãi cho chị Th.

Ngoài ra, anh N có tham gia hội do chị Th làm chủ, cụ thể như sau:

- Vào ngày 20/8/2018 âm lịch, anh N có tham gia 20 chân hội ngày, loại hội 50.000 đồng/ngày, dây hội có 70 chân, mỗi ngày khai hội 01 lần. Đến ngày 26/8/2019, anh N một lần hốt hết 20 chân hội với số tiền theo giấy nhận hội là 61.700.000 đồng. Sau đó, anh N đóng cho chị Th được 10 lần hội chết với số tiền 10.000.000 đồng rồi không đóng hội nữa. Anh N còn nợ chị Th 54.000.000 đồng tiền hội chết chưa đóng.

- Vào ngày 01/11/2018 âm lịch, anh N có tham gia 40 chân hội ngày, loại hội 5.000 đồng/ngày, dây hội có 57 chân, mỗi ngày khai hội 01 lần. Sau đó, anh N một lần đã hốt hết 40 chân hội với số tiền theo giấy nhận hội là 99.000.000 đồng. Tính đến ngày 04/11/2018, anh N có đóng cho chị Th được 10 lần hội chết với số tiền 20.000.000 đồng rồi không đóng hội nữa. Hiện tại, anh N còn nợ chị Th 92.000.000 đồng tiền hội chết chưa đóng.

Tổng số tiền nợ vay và nợ hội anh N còn nợ chị Th là 366.000.000 đồng. Chị Th có đến nhà đòi nợ anh N và vợ anh N là chị Lê Phượng C, mẹ anh N là Trần Mỹ H nhiều lần nhưng gia đình anh N hứa hẹn rồi không trả nợ. Nay chị Th yêu cầu anh N, chị C và bà H cùng liên đới trả nợ cho chị tổng số tiền 366.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

Đến ngày 20/4/2020, chị Th có đơn xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với khoản nợ hội 146.000.000 đồng với lý do chưa thu thập được giấy tờ có liên quan; đồng thời rút lại yêu cầu khởi kiện khoản nợ vay 50.000.000 đồng vay vào ngày 28/10/2018 do anh Hồ Quốc Thắng đứng tên cho vay, với lý do để anh Thắng khởi kiện thành vụ kiện khác.

Đối với C khoản vay còn lại là 170.000.000 đồng, chị Th yêu cầu anh N, chị C và bà H cùng liên đới trả nợ, chị không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa, chị Th xin rút lại yêu cầu khởi kiện về việc buộc bà Trần Mỹ H cùng liên đới trả nợ, chị Th chỉ yêu cầu vợ chồng anh N chị Th liên đới trả cho chị số tiền nợ vay 170.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

*Theo chị Lê Phụng C trình bày:* Trước đây chồng chị là anh Trần Thanh N có làm ăn qua lại với chị Hồ Minh Th nhưng việc làm ăn như thế nào thì chị không biết rõ. Đến tháng 6 năm 2019, anh N có nói với chị C là đi làm ăn xa để kiếm tiền trả nợ vì trước đó anh N đã vay mượn tiền để trị bệnh cho con của anh chị bị mắc bệnh hiểm nghèo. Đến khoảng 20 ngày sau, chị Th có nhờ anh ruột của chị Th tên là Thắng đến nhà chị C đòi nợ và cho rằng anh N có vay của chị Th số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất 800.000 đồng/ngày, chị C biết được anh N đã đóng lãi đầy đủ cho chị Th đến khi anh N đi làm ăn xa thì không đóng lãi nữa. Khi đó có mẹ ruột anh N là bà Trần Mỹ H ở nhà và bà H có hứa là chờ anh N về sẽ trả tiền cho chị Th.

Đối với yêu cầu của chị Th thì chị C không đồng ý trả nợ vì không biết anh N có nợ của chị Th bao nhiêu tiền, chị C yêu cầu chờ anh N về đối chiếu nợ chị Th bao nhiêu tiền thì chị đồng ý cùng anh N trả nợ cho chị Th.

*Theo bà Trần Mỹ H trình bày:* Bà H thống nhất toàn bộ lời trình bày của chị C. Bà H trình bày thêm là vào tháng 11 năm 2019, vợ chồng chị Th có đến nhà gặp bà và yêu cầu bà bảo lãnh trả nợ cho anh N mỗi tháng 4.000.000 đồng thì bà H không đồng ý vì không biết anh N có nợ của chị Th bao nhiêu tiền. Đối với việc anh N có nợ tiền của chị Th thì bà H không biết và không đồng ý trả nợ thay cho anh N.

Đối với anh Trần Thanh N đã được Tòa án Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh N đều vắng mặt. Tòa án tiếp tục triệu tập anh N đến Tòa án để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng anh N đều vắng mặt. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước tiến hành xét xử vắng mặt anh N theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

### **TÒA ÁN NHẬN ĐỊNH:**

[1] Xét quan hệ pháp luật tranh chấp giữa nguyên đơn là chị Hồ Minh Th với bị đơn là anh Trần Thanh N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Mỹ H, chị Lê Phụng C là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng Dân sự, bị đơn có địa chỉ tại ấp Đồng Tâm, thị trấn Cái Nước, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Xét về thời hiệu khởi kiện: Tại đơn khởi kiện ngày 04/12/2019 kèm theo C biên nhận nợ và hợp đồng cho cá nhân vay tiền, chị Th cho rằng từ tháng 09/2018 đến tháng 11/2018 âm lịch, chị Th có cho anh N vay tổng số tiền 170.000.000 đồng, từ khi vay tiền đến nay anh N không thực hiện nghĩa vụ trả lãi và vốn cho chị, chị Th nhiều lần đến nhà yêu cầu vợ cH anh N và bà H trả nợ nhưng vợ cH anh N và bà H vẫn không trả. Đến ngày 26/12/2019, chị Th khởi kiện anh N, chị C và bà H đến Tòa án nhân dân huyện Cái Nước và được Tòa án thụ lý giải quyết vào ngày 26 /12/2019. Do đó, việc khởi kiện của chị Th đối với anh N, chị C và bà H là còn thời hiệu theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp của vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:

Vào ngày 20/4/2020, chị Th có đơn xin rút lại yêu cầu khởi kiện về khoản nợ hui 146.000.000 đồng với lý do chưa thu thập được giấy tờ có liên quan; đồng thời rút lại yêu cầu khởi kiện khoản nợ vay 50.000.000 đồng vay vào ngày 28/10/2018 do anh Hồ Quốc Thắng đứng tên cho vay, với lý do để anh Thắng khởi kiện thành vụ kiện khác là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với hai yêu cầu nêu trên.

Tại hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 19/11/2020 thể hiện bên vay bao gồm mẹ Trần Mỹ H, con Trần Thanh N nhưng bà H cho rằng việc anh N có vay tiền của chị Th là bà không biết, chữ ký trong hợp đồng không phải của bà. Tuy nhiên tại phiên tòa, chị Th xin rút lại yêu cầu buộc bà H cùng liên đới trả nợ cho chị Th mà chị Th chỉ yêu cầu anh N và chị C cùng liên đới trả nợ với số tiền nợ vay 170.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi. Xét thấy việc chị Th xin rút lại yêu cầu khởi kiện buộc bà H cùng liên đới trả nợ là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện này.

Xét yêu cầu khởi kiện còn lại của chị Hồ Minh Th, Hội đồng xét xử xét thấy: Việc anh N có vay của chị Th số tiền 170.000.000 đồng là thực tế có xảy ra, thể hiện tại biên nhận nợ ngày 06/9/2018 âm lịch, biên nhận nợ ngày 19/9/2018 âm lịch và hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 19/11/2018, trong đó có ghi lãi xuất tự thỏa thuận nhưng không thể hiện là bao nhiêu.

Tại phiên tòa, chị Th cho rằng biên nhận nợ ngày 06/9/2018 âm lịch, biên nhận nợ ngày 19/9/2018 âm lịch và hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 19/11/2018 là do anh N viết và ký tên. Từ ngày vay tiền đến nay, vợ cH anh N, chị C không có trả vốn và lãi cho chị Th. Chị Th yêu cầu anh N và chị C trả cho chị số tiền nợ vốn là 170.000.000 đồng và không yêu cầu trả lãi.

Tại phiên tòa, chị C cho rằng chị có biết việc anh N có nợ tiền vay của chị Th thông qua việc chị Th có nhờ anh ruột tên Thắng đến đòi nợ và trước đó anh N có nói

là thiếu nợ tiền vay để lo chữa bệnh cho con nên phải đi làm ăn xa nhà. Tuy nhiên chị C không biết cụ thể anh N nợ chị Th bao nhiêu, đợi đến khi anh N về đối chiếu với chị Th thì chị đồng ý trả. Mặt khác, do con của chị đang bị bệnh nặng, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không thể trả nợ cho chị Th được. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện tại chị C và anh N là vợ chồng, sống chung nhà cùng với bà H. Tại Tò tụng thuật ngày 17/01/2020, bà Trần Mỹ H cho rằng anh N là lao động chính trong gia đình nên việc kiếm tiền của anh N để lo cho gia đình là hoàn toàn do sự chủ động của anh N mà không phải thông qua gia đình. Bà H và chị C đều thừa nhận là anh N có cho biết là đi làm ăn xa để kiếm tiền trả nợ vì trước đây anh có vay tiền để lo chữa bệnh cho con của anh chị đang mắc bệnh khối u não phải đi phẫu thuật 03 lần ở Bệnh viện Chợ Rẫy. Do đó, có thể thấy rằng việc anh N vay tiền mục đích là để sử dụng chung cho cuộc sống gia đình nên chị C cũng phải có nghĩa vụ trả nợ cùng với anh N.

[4] Đối với anh Trần Thanh N đã được Tòa án Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh N đều vắng mặt. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước không tiến hành hòa giải được vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng Dân sự giữa C đương sự. Tòa án nhân dân huyện Cái Nước căn cứ vào Điều 220 Bộ luật tố tụng Dân sự Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và triệu tập anh N hợp lệ đến lần thứ hai với nội dung triệu tập anh N đến Tòa án nhân dân huyện Cái Nước để tham gia xét xử nhưng anh N vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt đối với anh N. Anh N vắng mặt tại phiên tòa và cũng không có bất kỳ ý kiến nào đối với yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Minh Th.

Về lãi suất cho vay: Tại C biên nhận nợ và hợp đồng cho cá nhân vay tiền chỉ thể hiện lãi suất cho vay do hai bên thỏa thuận mà không đề cập là bao nhiêu. Chị C và bà H cho rằng anh N đóng lãi đầy đủ với số tiền 800.000 đồng/ngày cho chị Th đến khi anh N đi làm ăn xa (tháng 6 năm 2019) thì không đóng nữa nhưng không có gì để chứng minh là anh N có đóng lãi, anh N và chị C không có ý kiến hay yêu cầu về việc điều chỉnh lãi suất cho vay. Trong khi đó, chị Th có thừa nhận anh N có đóng lãi được 02 tháng nhưng không nhớ là bao nhiêu tiền, chị Th khởi kiện chỉ yêu cầu anh N và chị C trả vốn 170.000.000 đồng mà không yêu cầu trả phần lãi còn lại.

Từ những phân tích đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị Th đối với anh N và chị C là có cơ sở nên chấp nhận. Buộc anh N và chị C liên đới trả cho chị Th số tiền 170.000.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự có giá ngạch buộc anh N và chị C phải chịu 8.500.000 đồng theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì C lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: C Điều 26; 35; 39; 147, 227, 244, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

C Điều 357, 463, 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự.

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### ***Tuyên xử:***

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện về khoản nợ hụi 146.000.000 đồng và khoản nợ vay 50.000.000 đồng vay vào ngày 28/10/2018 do anh Hồ Quốc Thắng đứng tên cho vay.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện buộc bà Trần Mỹ H liên đới trả nợ cho chị Hồ Minh Th.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Minh Th đối với anh Trần Thanh N và chị Lê Phụng C.

Buộc anh Trần Thanh N và chị Lê Phụng C liên đới trả cho chị Hồ Minh Th số tiền 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng).

Kể từ ngày chị Th có đơn yêu cầu thi hành án, anh N và chị C không thi hành khoản tiền nêu trên thì anh N và chị C phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc anh Trần Thanh N và chị Lê Phụng C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 8.500.000 đồng (Tám triệu năm trăm nghìn đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước khi án có hiệu lực pháp luật. Chị Hồ Minh Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Chị Th có dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 4.575.000 đồng (Bốn triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005009 ngày 26/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước. Chị Th được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí nêu trên tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại C Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai chị Hồ Minh Th, chị Lê Phụng C và bà Trần Mỹ H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Thanh N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- Đương sự;
- Lưu VP-HS.

**Trần Nhũ Khuyên**